

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 09 - 04 - 2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chiêu. Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Thị trấn Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Xuân Trường. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Xã Tr, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 267/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1986; có mặt.

NDKHKT: Cụm 5, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Cụm 1, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn : Anh Kim Xuân T, sinh năm 1982; vắng mặt.

Địa chỉ, ĐKHKT: Cụm 5, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:*** Chị kết hôn với anh Kim Xuân T tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày

12/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Quá trình sống chung sau khi kết hôn, ngay từ đầu vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T mãi chơi, không chịu khó làm ăn, mọi công việc đều do chị lo lắng. Anh T còn nghiện ma túy, tính cách rất hung hãn nên thường xuyên đánh đập, đe dọa tính mạng của chị và các con. Chị đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án để xin ly hôn, được Tòa án động viên, giải thích thì chị lại rút đơn về đoàn tụ nhưng sau đó thì anh T vẫn không thay đổi. Đến nay, chị thấy không thể tiếp tục sống chung với anh T được nữa nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Kim Xuân Đ1, sinh ngày 24/4/2013 và cháu Kim Hồng A, sinh ngày 29/8/2016. Hiện nay cháu Đ1 và cháu Hồng A đang ở cùng với chị. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, vì anh T thường xuyên đánh đập các cháu rất dã man, có lần anh T còn dùng côn để đánh nên các cháu rất sợ hãi và không muốn ở cùng với anh T. Vì nhà mẹ đẻ chị gần nhà anh T nên hiện nay chị phải đi thuê nhà chỗ khác xa hơn và ở cùng với hai con, để tránh việc anh T đánh đập, đe dọa chị và con. Nếu chị được nuôi hai con thì chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; công sức đóng góp với gia đình hai bên nhà vợ, chồng; nợ chung: Không có và chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Kim Xuân T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án đã trực tiếp về cùng địa phương để thực hiện biện pháp tố tụng nhưng anh T không hợp tác, do đó Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị S giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên. Anh Kim Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự Bộ luật tố tụng dân sự qui định. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ pháp luật qui định, bị đơn chưa chấp hành pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S, xử cho chị S được ly hôn anh Kim Xuân T. Giao cho chị S nuôi hai con chung là cháu Kim Xuân Đ1 và cháu Kim Hồng A. Chị S không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T. Về tài sản chung, công sức, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S có đơn xin ly hôn với anh Kim Xuân T có hộ khẩu thường trú tại Cụm 5, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, là quan hệ về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Kim Xuân T đến Tòa án và trực tiếp phối hợp với địa phương nơi anh T cư trú để thực hiện trình tự tố tụng và giải quyết vụ án, tuy nhiên anh T không chấp hành và không hợp tác. Vì vậy, việc hòa giải trong vụ án Tòa án không thể tiến hành được. Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh Kim Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Kim Xuân T trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký vào ngày 12/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, theo quy định khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, cũng như các việc xác minh tại chính quyền địa phương xã Tân Lập và thân nhân của anh Kim Xuân T đã thể hiện: Chị Nguyễn Thị S và anh Kim Xuân T trong quá trình sống chung vợ chồng đã có mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân do anh T là người nghiện ma túy, bản thân không chịu khó làm ăn, còn thường xuyên đánh đập chị S dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh T thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S với T là phù hợp pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Kim Xuân T có 02 con chung là cháu Kim Xuân Đ1, sinh ngày 24/4/2013 và cháu Kim Hồng A, sinh ngày 29/8/2016. Bản thân anh T là người nghiện ma túy, vì vậy để việc chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu được tốt, đảm bảo quyền lợi của các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao hai cháu Kim Xuân Đ1 và cháu Kim Hồng A cho chị Nguyễn Thị S nuôi dưỡng là hợp lý.

Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Kim Xuân T cho đến khi chị Nguyễn Thị S có yêu cầu. Anh Kim Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Tài sản chung, công sức, nợ: Chị Nguyễn Thị S xác định không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không có công sức đóng góp gì với hai bên gia đình nên Tòa án không phải giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị S.

Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Kim Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Kim Xuân Đ1, sinh ngày 24/4/2013 và cháu Kim Hồng A, sinh ngày 29/8/2016 cho chị Nguyễn Thị S nuôi cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Kim Xuân T cho đến khi chị Nguyễn Thị S có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh Kim Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công sức, nợ: Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010214 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Kim Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyến

